

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

(Kèm theo Quyết định số 144/QĐ-HVTC ngày 05 / 9 /2025 của Giám đốc
Học viện Tài chính)

- NGÀNH ĐÀO TẠO:	KẾ TOÁN (Tên Tiếng Anh: Accounting)
- MÃ NGÀNH:	7340301
- TÊN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO:	KẾ TOÁN CÔNG (Tên Tiếng Anh: Accounting for Public Sector)
- MÃ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO:	02.03
- TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO:	Đại học (Chương trình chuẩn)
- HÌNH THỨC ĐÀO TẠO:	Chính quy
- VĂN BẰNG TỐT NGHIỆP:	Cử nhân
- ĐƠN VỊ CẤP BẰNG	Học viện Tài chính
- ÁP DỤNG TỪ NĂM TUYỂN SINH:	2025 (Từ khóa 63)

1. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 4 năm

2. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO:

2.1. Mục tiêu chung: Chương trình đào tạo (CTĐT) Kế toán công thuộc ngành Kế toán trình độ đại học là CTĐT định hướng ứng dụng, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước và hội nhập quốc tế, có phẩm chất chính trị, đạo đức, có sức khỏe, có kiến thức chuyên môn về Kế toán công toàn diện. Người học sau khi tốt nghiệp nắm vững nền tảng cơ bản về khoa học tự nhiên - xã hội, chính trị và pháp luật, ngoại ngữ; về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, quản lý và quản trị; chuyên sâu về lĩnh vực Kế toán công; có kỹ năng giao tiếp, ứng xử và giải quyết vấn đề liên quan; có khả năng lãnh đạo, quản lý; làm việc khoa học, đổi mới và sáng tạo; phân tích, đánh giá, hoạch định, thực hành nghề nghiệp; tự chủ, trách nhiệm, tự đào tạo và khởi nghiệp; thích ứng nhanh với môi trường làm việc trong nước và quốc tế trong bối cảnh kỷ nguyên số; có ý thức kỷ luật, phục vụ cộng đồng và học tập suốt đời. Ngoài ra, người học được trang bị kiến thức chuyên sâu khác nhằm mở rộng cơ hội nghề nghiệp và hội nhập quốc tế.

2.2. Mục tiêu cụ thể (PO: Program Objectives):

2.2.1. Về kiến thức

PO1: - Có kiến thức nền tảng về: khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính trị, pháp luật; công nghệ thông tin (CNTT) và trí tuệ nhân tạo (AI), Tiếng Anh cơ bản để vận dụng vào nghề nghiệp, cuộc sống.

- Có kiến thức cơ bản về giáo dục quốc phòng và an ninh (GDQP&AN), giáo dục thể chất (GDTC) để vừa rèn luyện sức khỏe; sống có kỷ luật; có ý thức góp phần xây dựng phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc.

PO2: Có kiến thức cơ bản về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, quản lý công và quản trị, để vận dụng và giải quyết tốt các vấn đề cơ bản của lĩnh vực kế toán trong môi trường làm việc thực tế; có năng lực Tiếng Anh chuyên sâu và ứng dụng công nghệ số.

PO3: - Có kiến thức chung của ngành Kế toán, Kiểm toán, Tài chính- Ngân hàng và lĩnh vực thống kê để làm nền tảng đào tạo chuyên sâu lĩnh vực Kế toán công.

- Có kiến thức chuyên môn cụ thể khác của ngành: Kế toán, Quản lý công, Tài chính- Ngân hàng bổ trợ cho ngành Kế toán, chuyên sâu Kế toán công để người học sau khi tốt nghiệp đáp ứng được yêu cầu về lĩnh vực được đào tạo và mở rộng cơ hội nghề nghiệp sau tốt nghiệp.

PO4: - Có kiến thức lý thuyết sâu, rộng về lĩnh vực Kế toán công như: Kế toán tại các đơn vị trong lĩnh vực kế toán nhà nước; lập và phân tích báo cáo kế toán đơn vị hành chính sự nghiệp, báo cáo tài chính nhà nước, báo cáo tại các đơn vị đặc thù.

- Có kiến thức chuyên sâu về Kế toán công để thực hiện công việc chuyên môn; quản lý, tư vấn, tham mưu ra quyết định tối ưu.

- Có kiến thức thực tế vững chắc, thực hành nghề nghiệp để lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, giám sát, quản lý hoạt động chuyên môn tại đơn vị, tổ chức.

2.2.2. Về kỹ năng

PO5: - Có kỹ năng nghề nghiệp chuyên sâu để giải quyết những vấn đề cụ thể hoặc phức tạp liên quan đến lĩnh vực Kế toán và lĩnh vực bổ trợ khác.

- Có kỹ năng giao tiếp, ứng xử, làm việc khoa học và chuyên nghiệp; biết dẫn dắt chuyên môn, tự cập nhật kiến thức phục vụ công việc.

- Có kỹ năng học tập, nghiên cứu đáp ứng yêu cầu chuẩn CNTT, ngoại ngữ theo quy định hiện hành để phục vụ công việc.

2.2.3. Về mức độ tự chủ và trách nhiệm

PO6: - Có khả năng áp dụng kiến thức, kỹ năng đã được đào tạo để tổ chức, thực hiện tốt nhất công việc một cách khoa học, chuyên nghiệp; tự chịu trách nhiệm cá nhân; có ý thức kỷ luật; tuân thủ pháp luật.

- Có trách nhiệm đối với công việc, tổ chức và xã hội.

2.3. Khả năng học tập nâng cao trình độ của người học sau khi tốt nghiệp

- Có khả năng tiếp tục học tập ở bậc cao hơn (Thạc sỹ, Tiến sỹ) tại các cơ sở đào tạo trong nước và nước ngoài.

- Có khả năng chủ động tự học, cập nhật kiến thức mới nhằm nâng cao năng lực chuyên môn.

- Có khả năng tham gia các kỳ thi lấy chứng chỉ nghiệp vụ và tự cập nhật, bổ sung kiến thức để dự thi lấy các chứng chỉ liên quan.

- Có cơ hội nhận được bằng đại học thứ 2 ngành đào tạo khác của Học viện nếu người học đăng ký học cùng lúc 2 chương trình.

2.4. Về vị trí/chức danh làm việc sau khi tốt nghiệp

Người học tốt nghiệp CTĐT Kế toán công, ngành Kế toán của Học viện Tài chính có nhiều cơ hội nghề nghiệp đa dạng và có khả năng đảm nhận các công việc chuyên môn được đào tạo về lĩnh vực Kế toán công và các lĩnh vực khác trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội; các doanh nghiệp, tập đoàn, tổ chức trong nước và quốc tế; cụ thể:

- Chuyên viên quản lý tài chính - ngân sách nhà nước, kế toán tại các cơ quan quản lý tài chính - ngân sách của chính quyền nhà nước các cấp như cơ quan tài chính; Kho bạc Nhà nước; cơ quan Thuế; cơ quan Hải quan; Dự trữ nhà nước; Bảo hiểm xã hội;...

- Chuyên viên quản lý tài chính, kế toán tại các cơ quan nhà nước như: Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chủ tịch nước; Văn phòng Chính phủ; Văn phòng Ủy ban nhân dân và Hội đồng nhân dân chính quyền địa phương các cấp; các Bộ, cơ quan ngang Bộ; cơ quan nhà nước trực thuộc các Bộ và cơ quan ngang Bộ; các cơ quan nhà nước khác ở trung ương; các cơ quan nhà nước trực thuộc chính quyền địa phương các cấp;...

- Chuyên viên Kế toán tại các đơn vị sự nghiệp như: trường học, bệnh viện, viện nghiên cứu, bảo tàng, thư viện, nhà xuất bản, truyền hình, thông tấn, báo chí,...

- Chuyên viên Kế toán tại các cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Liên đoàn Lao động Việt Nam; Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; Hội Cựu chiến binh Việt Nam; Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam; Hội Nông dân Việt Nam;...

- Chuyên gia tư vấn về tài chính - kế toán công cho chính quyền nhà nước các cấp; các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan nhà nước khác; các đơn vị sự nghiệp; các doanh nghiệp, các tổ chức trong nước và quốc tế;...

- Chuyên viên tài chính, kế toán, kiểm soát, kiểm toán,... tại các doanh nghiệp, tập đoàn, ngân hàng và các tổ chức tín dụng, công ty bảo hiểm trong nước và quốc tế; khởi nghiệp tạo việc làm và làm chủ doanh nghiệp.

- Giảng viên, trợ giảng, chuyên gia tư vấn, nghiên cứu viên chuyên môn về lĩnh vực kế toán kiểm toán nói chung và lĩnh vực kế toán công nói riêng tại các cơ sở đào tạo, cơ sở nghiên cứu khoa học như: các trường đại học/học viện, các viện nghiên cứu,

3. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (PLO: Program Learning Outcomes):

Người học sau khi tốt nghiệp CTĐT Kế toán công, ngành Kế toán đạt chuẩn về kiến thức của trình độ đại học; có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết toàn diện và kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực Kế toán; có kỹ năng nhận

thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, kỹ năng giao tiếp, ứng xử; có khả năng tự chủ và trách nhiệm trong việc áp dụng kiến thức, kỹ năng để thực hiện nhiệm vụ chuyên môn. Cụ thể:

3.1. Về kiến thức:

3.1.1. Kiến thức giáo dục đại cương

PLO1: Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản về Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam vào phân tích, giải quyết các vấn đề thực tiễn và cuộc sống; hình thành thế giới quan, nhân sinh quan tiên bộ, phương pháp luận khoa học để học tập, nghiên cứu và làm việc chuyên môn.

PLO2: - Hiểu và giải thích được các kiến thức nền tảng về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, pháp luật, để phục vụ nghiên cứu tổng quan, nghiên cứu khoa học và giải quyết các vấn đề phát sinh thuộc phạm vi công việc được giao.

- Hiểu và vận dụng được kiến thức về CNTT, có nền tảng trí tuệ nhân tạo (AI), Tiếng Anh cơ bản đáp ứng yêu cầu công việc.

PLO3: Nắm vững kiến thức giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng và an ninh để rèn luyện sức khỏe đáp ứng yêu cầu học tập, nghiên cứu, làm việc và hội nhập quốc tế.

3.1.2. Kiến thức cơ sở khối ngành, cơ sở ngành, ngành và bổ trợ

*** Kiến thức cơ sở khối ngành và cơ sở ngành:**

PLO4: - Hiểu và vận dụng được những nội dung lý thuyết cơ bản của nguyên lý kinh tế học, nghiên cứu các hoạt động của nền kinh tế dưới góc độ tổng thể, cùng các vấn đề chính sách liên quan đến hoạt động của từng thị trường trong việc ra quyết định của các chủ thể kinh tế, đồng thời giải thích được một số vấn đề kinh tế cụ thể mà thực tiễn đặt ra.

- Hiểu và vận dụng kiến thức nền tảng cơ bản về kế toán, tài chính, tiền tệ, pháp luật kinh tế, nguyên lý thống kê và kinh tế lượng để phát hiện, nhận diện, phân tích, đánh giá, giải quyết vấn đề chuyên môn liên quan lĩnh vực Kế toán doanh nghiệp; vận dụng, phân tích Tiếng Anh kinh tế, Tiếng Anh chuyên ngành phục vụ học tập, nghiên cứu khoa học và nghiên cứu chuyên sâu.

*** Kiến thức ngành và bổ trợ:**

PLO5: - Vận dụng, phân tích kiến thức cơ bản về lĩnh vực Kế toán trong mối quan hệ chặt chẽ với các lĩnh vực liên quan khác.

- Vận dụng, phân tích, đánh giá, luận giải, tổng hợp được một số vấn đề chuyên sâu/ngành vụ cụ thể: thống kê doanh nghiệp, chuẩn mực kế toán công quốc tế, kế toán quản trị công, kế toán tài chính cơ bản, hệ thống thông tin kế toán, tài chính doanh nghiệp căn bản, thuế và kiểm toán căn bản làm cơ sở cho nghiên cứu chuyên sâu về kế toán công.

PLO6: Vận dụng, phân tích các kiến thức chuyên sâu cụ thể về: Quản lý tài chính công; Quản trị tài chính đơn vị cung cấp dịch vụ công; Quản lý chi ngân sách nhà nước; Phân tích tài chính doanh nghiệp; Quản lý chi phí dự án đầu tư xây dựng vốn ngân sách nhà nước; Bảo hiểm; Thị trường tài chính; Ngân hàng thương mại; Kế toán ngân sách và tài chính xã; Chuẩn mực kế toán công trong tiếp cận, giải quyết vấn đề để hỗ trợ cho ngành Kế toán, chuyên sâu về Kế toán công; hướng tới liên thông sang các ngành đào tạo khác và hướng tới để mở rộng cơ hội nghề nghiệp.

3.1.3. Kiến thức chuyên ngành

PLO7: - Phân tích, đánh giá kiến thức cơ bản chuyên sâu về Kế toán công cơ bản để phác thảo, nắm vững được nguyên tắc chung của lĩnh vực Kế toán công và ứng dụng phần mềm để thực hành nghề nghiệp liên quan đến chuyên môn.

- Phân tích, đánh giá, tổng hợp có hệ thống kiến thức chuyên sâu về: Kế toán hành chính sự nghiệp; Kế toán ngân sách nhà nước và nghiệp vụ kho bạc Nhà nước; Phân tích báo cáo tài chính đơn vị hành chính sự nghiệp; Kế toán công trong các đơn vị đặc thù; Thực hành công nghệ trong kế toán công. Cụ thể:

+ Kế toán hành chính sự nghiệp: nội dung công tác kế toán, tổ chức kế toán và tổ chức bộ máy kế toán hành chính sự nghiệp thông qua các phần hành kế toán cụ thể: kế toán hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, kế toán hoạt động tài chính, kế toán hoạt động sản xuất kinh doanh và cung ứng dịch vụ, kế toán hoạt động khác

+ Kế toán ngân sách nhà nước và nghiệp vụ kho bạc Nhà nước bao gồm tổ chức công tác kế toán ngân sách nhà nước và nghiệp vụ kho bạc như tổ chức hệ thống chứng từ, kế toán đồ, hệ thống sổ, báo cáo; kế toán thanh toán, kế toán ngân sách nhà nước, kế toán vay nợ, viện trợ, kế toán tiền gửi của các đơn vị, quỹ tài chính ngoài ngân sách nhà nước, nghiệp vụ lập báo cáo kế toán

+ Phân tích báo cáo tài chính đơn vị hành chính sự nghiệp bao gồm các nghiệp vụ phân tích báo cáo tình hình tài chính, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, báo cáo về những thay đổi trong tài sản thuần của đơn vị hành chính sự nghiệp

+ Kế toán công trong các đơn vị đặc thù: nội dung công tác kế toán, tổ chức kế toán và tổ chức bộ máy kế toán tại các đơn vị đặc thù thông qua các phần hành kế toán.

+ Thực hành công nghệ trong kế toán công: hiểu và ứng dụng phần mềm kế toán và sử dụng một số phần mềm hỗ trợ kế toán phổ biến trong khu vực công như Misa, KTXA, Excel...; thực hành phân tích dữ liệu bằng công cụ tự động hóa trong kế toán; khai thác dữ liệu và phân tích rủi ro.

PLO8: Thiết kế, xây dựng, phát triển được kiến thức thực tế, chuyên sâu; thực hành nghề nghiệp tại các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, tổ chức, doanh nghiệp, tập đoàn kinh tế/Trung tâm thực hành để đạt kiến thức chung về thực tập tốt nghiệp.

3.2. Về kỹ năng

PLO9: - Có kỹ năng hiểu, vận dụng, phân tích, đánh giá, tổng hợp, báo cáo, đề xuất, tham mưu, giải quyết vấn đề chuyên sâu thuộc lĩnh vực Kế toán; am hiểu lĩnh vực hỗ trợ khác; thực hành và sử dụng phần mềm chuyên môn thành thạo.

- Có kỹ năng dẫn dắt chuyên môn; tự bổ sung, cập nhật kiến thức mới, tiếp tục nâng cao trình độ đáp ứng yêu cầu công việc trong các môi trường làm việc khác nhau.

- Có kỹ năng nghiên cứu khoa học; tư duy đổi mới và sáng tạo; soạn thảo văn bản chuẩn mực; luận giải logic các vấn đề thực tiễn đặt ra một cách thuyết phục và có căn cứ thực hiện.

- Có kỹ năng giao tiếp, ứng xử, phản biện, thấu hiểu; có kỹ năng thuyết trình, làm việc độc lập, làm việc nhóm một cách khoa học và chuyên nghiệp để giải quyết tốt vấn đề thực tiễn.

- Có kỹ năng khởi nghiệp, tự chủ và tự chịu trách nhiệm; thiết lập và duy trì các mối quan hệ để giải quyết tốt công việc liên quan.

PLO10: - Có năng lực học tập, nghiên cứu để đạt chuẩn tối thiểu kỹ năng CNTT cơ bản hoặc tương đương và năng lực số quy định hiện hành; tìm kiếm, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu có ích và xử lý tốt thông tin, dữ liệu.

- Có kỹ năng học tập, nghiên cứu để đạt chuẩn năng lực ngoại ngữ (Tiếng Anh) tối thiểu 3/6 hoặc tương đương theo quy định của Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam; sử dụng hiệu quả Tiếng Anh chuyên sâu trong công việc chuyên môn nghề nghiệp và cuộc sống.

3.3. Về mức độ tự chủ và trách nhiệm

PLO11: - Có phẩm chất đạo đức tốt, có sức khỏe; tư duy đổi mới và cầu tiến; năng động và sáng tạo; chủ động, trung thực, khách quan và công tâm khi giải quyết công việc; tự tin và kiên trì theo đuổi mục tiêu; có khả năng lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, hướng dẫn, tổ chức thực hiện và giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ trong lĩnh vực được đào tạo chuyên sâu.

- Có tinh thần phối hợp công việc với cá nhân, nhóm, tổ chức, xã hội trong hoạt động chuyên môn và cuộc sống.

PLO12: - Có tinh thần học tập suốt đời; thích ứng nhanh với môi trường thay đổi; tự cập nhật, đào tạo để khởi nghiệp và phát triển nghề nghiệp; có ý thức kỷ luật; tuân thủ pháp luật; phục vụ cộng đồng; có trách nhiệm đối với công việc, tổ chức và xã hội.

- Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.

4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH/TIÊU CHÍ TUYỂN SINH VÀ PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH

Thực hiện theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GD&ĐT; quy chế tuyển sinh và thông báo tuyển sinh hàng năm của Học viện Tài chính.

4.1. Đối tượng tuyển sinh: Học sinh tốt nghiệp THPT hoặc trình độ tương đương.

4.2. Tiêu chí tuyển sinh

- Thí sinh dự tuyển phải đạt ngưỡng đầu vào theo quy định của quy chế, quy định và thông báo tuyển sinh hàng năm của Học viện Tài chính;

- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;

- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

4.3. Phương thức tuyển sinh: Phương thức tuyển sinh được quy định rõ về các tiêu chí đánh giá, xét tuyển, cách thức tính điểm xét và xác định điều kiện trúng tuyển trong thông báo tuyển sinh hàng năm của Học viện Tài chính.

5. CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

5.1. Cấu trúc chương trình tổng thể

TT	Khối lượng kiến thức	Số TC	Ghi chú
A	Kiến thức giáo dục đại cương	41	
A1	Kiến thức chung	30	
	Phần bắt buộc	24	
	Phần tự chọn	6	
A2	Kiến thức GDQP&AN, GDTC (*)	11	
B	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	90	
B1	Kiến thức cơ sở khối ngành	6	
B2	Kiến thức cơ sở ngành	24	
B3	Kiến thức ngành	16	
B4	Kiến thức chuyên ngành	14	
	Phần bắt buộc	12	
	Phần tự chọn	2	
B5	Kiến thức bổ trợ	20	
	Phần bắt buộc	12	
	Phần tự chọn	8	
B6	Kiến thức thực tập tốt nghiệp	10	
	Tổng số tín chỉ (gồm khối kiến thức GDQP&AN, GDTC)	131	
	Tổng số tín chỉ (không bao gồm khối kiến thức GDQP&AN, GDTC)	120	

Ghi chú: - (*) Khối lượng kiến thức GDQP&AN: 8 tín chỉ và GDTC: 3 tín chỉ.

- Quy định về ký hiệu mã môn học trong các CTĐT: Từng môn học được ký hiệu bằng một mã số riêng do Học viện quy định.

5.2. Cấu trúc chương trình chi tiết

TT	Mã môn học	Môn học	Số TC	Số tiết	NNGD (T.Anh)
A		PHẦN KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	41		
A1		Kiến thức chung	30		
		<i>Phần bắt buộc</i>	24		
1.	MPT0400	Triết học Mác -Lênin	3	45	
2.	MPT0401	Kinh tế chính trị Mác -Lênin	2	30	
3.	SSO0402	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	
4.	VPP0401	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30	
5.	HVE0244	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	
6.	BFL0123	Tiếng Anh cơ bản	4	60	
7.	AMA0239	Toán cao cấp	3	45	
8.	PAS0101	Lý thuyết xác suất và thống kê	2	30	
9.	GLA0141	Pháp luật đại cương	2	30	
10.	ITO0236	Tin học	2	30	
		<i>Phần tự chọn</i>	6		
		<i>Nhóm 1</i>	2		
11.	SRM0300	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	30	
		<i>Nhóm 2</i>	4		
12.	ETH0102	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	30	
13.	ALI0100	Trí tuệ nhân tạo	2	30	
14.	PAM0148	Quản lý hành chính công	2	30	
15.	IEC0100	Kinh tế quốc tế	2	30	
A2		Kiến thức GDQP&AN, GDTC	11		
16.	MED0345	Giáo dục quốc phòng	8	165	
	AED0030	Giáo dục thể chất	3	90	
		<i>Phần bắt buộc</i>	1		
17.	AED0350	Chạy cự ly ngắn	1	30	
18.	AED0358	Thể dục phát triển chung	1	30	Online
		<i>Phần tự chọn</i>	2		
19.	AED0351	Bóng rổ	2	60	
20.	AED0352	Bóng chuyền	2	60	
21.	AED0353	Bơi	2	60	
22.	AED0354	Bóng bàn	2	60	
23.	AED0355	Cầu lông	2	60	
24.	AED0356	Taekwondo	2	60	

TT	Mã môn học	Môn học	Số TC	Số tiết	NNGD (T.Anh)
25.	AED0359	Thủ tục phát triển chung với dụng cụ	2	60	Online
B		PHẦN KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	90		
B1		Kiến thức cơ sở khối ngành	6		
26.	MAE0012	Kinh tế vĩ mô cơ bản	3	45	
27.	MIE0011	Kinh tế vi mô cơ bản	3	45	
B2		Kiến thức cơ sở ngành	24		
28.	EFL0012	Tiếng Anh kinh tế	3	45	
29.	EFL0011	Tiếng Anh chuyên ngành	4	60	
30.	APR0123	Nguyên lý kế toán	4	60	
31.	ELA0143	Pháp luật kinh tế	2	30	
32.	SPR0124	Nguyên lý thống kê	3	45	
33.	FAM0192	Tài chính tiền tệ	4	60	
34.	PCF2110	Đại cương báo cáo tài chính hợp nhất khu vực công	2	30	
35.	QEC0097	Kinh tế lượng cơ bản	2	30	
B3		Kiến thức ngành	16		
36.	CST0197	Thống kê doanh nghiệp	2	30	
37.	CFI0301	Tài chính doanh nghiệp căn bản	2	30	
38.	IPS0011	Chuẩn mực kế toán công quốc tế	2	30	
39.	GAU0078	Kiểm toán căn bản	2	30	
40.	AIS0010	Hệ thống thông tin kế toán	2	30	
41.	PMA0297	Kế toán quản trị công	2	30	
42.	AFB0100	Kế toán tài chính cơ bản	2	30	
43.	TAX0215	Thuế	2	30	
B4		Kiến thức chuyên ngành	14		
		Phần bắt buộc	12		
44.	PAB2002	Kế toán công cơ bản	2	30	
45.	BTA0041	Kế toán ngân sách nhà nước và nghiệp vụ kho bạc Nhà nước	3	45	
46.	GPA0103	Kế toán hành chính sự nghiệp	4	60	
47.	AFR0455	Phân tích báo cáo tài chính đơn vị hành chính sự nghiệp	3	45	
		Phần tự chọn	2		
48.	PAU0360	Kế toán công trong các đơn vị đặc thù	2	30	
49.	TPP1010	Thực hành công nghệ trong kế toán công	2	30	

TT	Mã môn học	Môn học	Số TC	Số tiết	NNGD (T.Anh)
B5		Kiến thức bổ trợ	20		
		<i>Phần bắt buộc</i>	<i>12</i>		
50.	PFM0150	Quản lý tài chính công	2	30	
51.	PPF1001	Quản trị tài chính đơn vị cung cấp dịch vụ công	3	45	
52.	BEM1001	Quản lý chi ngân sách nhà nước	4	60	
53.	CFA0133	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	45	
		<i>Phần tự chọn</i>	8		
		<i>Nhóm 1</i>	2		
54.	CPS0001	Kỹ năng giao tiếp và thuyết trình	1	15	
55.	TES0002	Kỹ năng soạn thảo văn bản	1	15	
56.	MWS0003	Kỹ năng quản lý và tổ chức công việc	1	15	
57.	CNS0004	Kỹ năng tư duy phản biện và đàm phán	1	15	
58.	TTS0005	Kỹ năng quản lý thời gian và làm việc nhóm	1	15	
		<i>Nhóm 2</i>	6		
59.	CCM0146	Quản lý chi phí dự án đầu tư xây dựng vốn ngân sách nhà nước	2	30	
60.	INS0001	Bảo hiểm	2	30	
61.	SMI0196	Thị trường tài chính	2	30	
62.	CMB0110	Ngân hàng thương mại	2	30	
63.	AOC0296	Kế toán ngân sách và tài chính xã	2	30	
64.	PAS0015	Chuẩn mực kế toán công (Public Sector Accounting Standards)	2	30	Tiếng Anh
B6		Kiến thức thực tập tốt nghiệp	10		
65.	SPR0203	Thực tập tốt nghiệp – 02.03	10	150	
		<i>Thực tập cuối khóa (thực hành)</i>	4	60	
		<i>Luận văn tốt nghiệp</i>	6	90	
		Tổng số tín chỉ (gồm khối kiến thức GDQP&AN, GDTC)	131		
		Tổng số tín chỉ (không bao gồm khối kiến thức GDQP&AN, GDTC)	120		

Ghi chú: - Môn học GDTC (online) áp dụng thay thế khi tổ chức học trực tuyến
- Ngôn ngữ giảng dạy (NNGD) chỉ xác định với môn học giảng bằng Tiếng Anh

5.3. Kế hoạch giảng dạy toàn khóa (dự kiến)

TT	NỘI DUNG	HỌC KỲ (dấu x là các kỳ có thể bố trí)							
		1	2	3	4	5	6	7	8
A	KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG								
A1	Kiến thức chung	x	x	x	x	x			
	Phần bắt buộc	x	x	x					
	Phần tự chọn	x	x	x	x	x			
A2	Kiến thức GDQP&AN, GDTC	x	x	x	x	x	x		
B	KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP								
B1	Kiến thức cơ sở khối ngành		x	x					
B2	Kiến thức cơ sở ngành		x	x	x	x			
B3	Kiến thức ngành			x	x	x	x	x	
B4	Kiến thức chuyên ngành				x	x	x		
	Phần bắt buộc				x	x	x		
	Phần tự chọn				x	x	x		
B5	Kiến thức bổ trợ				x	x	x	x	
	Phần bắt buộc				x	x	x	x	
	Phần tự chọn	x	x	x	x	x	x	x	
B6	Kiến thức thực tập tốt nghiệp						x	x	x

Ghi chú: Kế hoạch giảng dạy trên có tính chất tương đối, việc bố trí kế hoạch giảng dạy thực tế hàng năm phải căn cứ vào quy định về điều kiện học tập của môn học.

6. TỔ CHỨC ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

6.1. Quy trình đào tạo

- Chương trình đào tạo được thiết kế hoàn thành khóa học trong 4 năm với tổng 8 học kỳ (trong đó: 7 học kỳ tích lũy kiến thức tại Học viện và 1 học kỳ thực tập tại cơ sở thực tế/Trung tâm thực hành nghề nghiệp và hoàn thành luận văn tốt nghiệp). Tuy nhiên, tùy theo năng lực của người học có thể hoàn thành khóa học sớm hơn quy định.

- Quy trình đào tạo thực hiện theo quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định của Học viện Tài chính.

6.2. Phương pháp giảng dạy:

- Phương pháp dạy học theo hướng lấy người học làm trung tâm của quá trình đào tạo.

- Phương pháp giảng dạy phù hợp với mục tiêu, nội dung và chuẩn đầu ra của môn học; tích hợp kiến thức lý thuyết, thực tiễn và kỹ năng; tăng cường tính thực tiễn mang lại hiệu quả để giúp sinh viên đạt được mục tiêu và chuẩn đầu ra của môn học trong chương trình đào tạo.

- Phương pháp dạy học được áp dụng là phương pháp dạy học tích cực nhằm thúc đẩy sự sáng tạo, chủ động và tích cực của sinh viên; cụ thể: **1)** Phương pháp thuyết giảng; **2)** Phương pháp thảo luận; **3)** Phương pháp làm việc nhóm; **4)** Phương pháp tranh biện; **5)** Phương pháp tình huống; **6)** Phương pháp trải nghiệm

thực tế; 7) Phương pháp thực hành; 8) Các phương pháp khác phù hợp với đặc thù của môn học/CTĐT.

- Phương pháp giảng dạy khuyến khích ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy – học; kết hợp giữa giảng dạy trên lớp và giảng dạy trên nền tảng số,...nhằm phát triển năng lực nhận biết và phân tích vấn đề thực tiễn.

- Tăng cường giảng dạy theo hình thức hướng dẫn, chú trọng hoạt động trải nghiệm cho sinh viên theo hình thức phù hợp nhằm tăng tính trực quan, tăng động lực học tập, sáng tạo, cải thiện khả năng ứng dụng kiến thức, kỹ năng vào các vấn đề thực tế.

6.3. Đánh giá kết quả học tập và cách thức đánh giá:

- Đánh giá kết quả học tập của sinh viên được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra của môn học và chương trình đào tạo.

- Đánh giá kết quả học tập của người học dựa trên chuẩn đầu ra, xác định mức độ đạt được của người học quy định trong chuẩn đầu ra của mỗi môn học; đánh giá không chỉ tập trung vào kiến thức mà còn đánh giá được năng lực thông qua thực hành phù hợp với phương pháp dạy học, giải quyết vấn đề thực tế, kỹ năng và thái độ của sinh viên.

- Đánh giá kết quả học tập của sinh viên dựa trên đánh giá quá trình và kết quả đánh giá kết thúc môn học; làm cơ sở để điều chỉnh hoạt động dạy – học, ghi nhận và thúc đẩy sự tiến bộ của người học, cải tiến và tổ chức thực hiện chương trình đào tạo

- Phương pháp đánh giá kết quả học tập phù hợp với chuẩn đầu ra của môn học; đặc điểm môn học; phương pháp giảng dạy; đảm bảo tính đa dạng, độ tin cậy và sự công bằng trong hoạt động dạy – học.

- Các thành phần đánh giá kết quả học tập được công khai và có tỷ lệ phù hợp, bao gồm: đánh giá quá trình và đánh giá tích lũy kiến thức; có thể bổ sung các phương pháp đánh giá nếu thấy phù hợp; khuyến khích sinh viên tích lũy kiến thức thông qua việc tự nghiên cứu, tự học.

- Các thành phần đánh giá bao gồm:

+ Đánh giá quá trình: có thể dưới hình thức đánh giá ý thức học tập của sinh viên (chuyên cần, thái độ học tập), đánh giá bài tập cá nhân, bài tập nhóm và kiểm tra giữa kỳ theo quy định đào tạo phù hợp với số tín chỉ quy định trong chương trình đào tạo.

+ Đánh giá tích lũy kiến thức: có thể dưới hình thức thi kết thúc môn học hoặc các hình thức đánh giá kết thúc môn học khác.

+ Đánh giá kết quả học tập theo thang điểm 10 kết hợp với thang điểm chữ A, B, C, D, F theo quy định đào tạo hiện hành của Học viện Tài chính.

6.4. Điều kiện công nhận tốt nghiệp

Kết thúc khóa học, sinh viên được công nhận tốt nghiệp nếu đáp ứng được các điều kiện theo quy định đào tạo tín chỉ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo; các quy định của Học viện Tài chính.

7. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

- Mỗi CTĐT được xây dựng bản mô tả CTĐT chi tiết riêng. Việc tổ chức xây dựng CTĐT Kế toán công phù hợp với ngành Kế toán; với tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi, chiến lược phát triển đến năm 2030 và tầm nhìn 2045 của Học viện Tài chính.

- Nội dung CTĐT Kế toán công được thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quy chế đào tạo trình độ đại học tại Học viện Tài chính.

- Định kỳ, Học viện tổ chức rà soát, đánh giá, cập nhật CTĐT trình độ đại học của ngành và CTĐT thuộc ngành theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

TRƯỞNG KHOA



Bùi Tiến Hanh

GIÁM ĐỐC ✓



Nguyễn Đào Tùng